

**HỘI ĐỒNG THƯƠNG MẠI CÔNG BẰNG NHẬT BẢN – CƠ QUAN THỰC THI
LUẬT CẠNH TRANH NHẬT BẢN VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM
JAPAN FAIR TRADE COMMISSION – ENFORCEMENT ORGANIZATION
OF JAPANESE ANTIMONOPOLY ACT AND SOME EXPERIENCE FOR VIETNAM**

CN. BÙI HƯNG NGUYỄN
Trường Đại học Hàng hải

Tóm tắt:

Luật cạnh tranh 2005 của Việt Nam đã có hiệu lực gần bốn năm. Để thực thi luật này, hai cơ quan là Hội đồng Cạnh tranh và Cục Quản lý cạnh tranh được thành lập, với cơ cấu tổ chức, một số nhiệm vụ quyền hạn được học tập kinh nghiệm của Hội đồng Thương mại công bằng Nhật Bản. Tuy nhiên, kể từ khi ra đời cho đến nay, hệ thống các cơ quan này vẫn chưa xử lý được một vụ việc cạnh tranh nào. Bài báo đưa ra một góc nhìn khái quát về Hội đồng Thương mại công bằng Nhật Bản theo suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển, các nhiệm vụ quyền hạn của nó, nhằm tìm ra giải pháp góp phần tháo gỡ vướng mắc, từ đó nâng cao tính hiệu quả của Luật cạnh tranh Việt Nam.

Abstract:

The Vietnamese Competition Law 2005 has been in force for 4 years. In order to implement that law, Vietnam Competition Authority and Vietnam Competition Commission were established with their frameworks and assignments learnt from the Japan Fair Trade Commission's experience. However, these organizations haven't handled any competition cases until now. This article only gives an overview on the Japan Fair Trade Commission organization throughout its history as well as its assignments for the purpose of suggesting some solutions in paving the way for solving partially difficulties and thus raising The Vietnamese Competition Law's efficiency.

1. Đặt vấn đề

Luật cạnh tranh 2005 của Việt Nam đã có hiệu lực được gần bốn năm. Các quy định của pháp luật về cạnh tranh cơ bản đã phù hợp với luật pháp quốc tế và tương thích với pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển. Hầu hết các khái niệm liên quan đến pháp luật cạnh tranh như: Cạnh tranh không lành mạnh, hạn chế cạnh tranh, độc quyền, thị trường liên quan... đều kế thừa từ thành tựu pháp luật về cạnh tranh của thế giới. Các nội dung của nó đã thể hiện được mong muốn của cộng đồng doanh nghiệp, với tham vọng pháp luật cạnh tranh sẽ là “bản hiến pháp của thị trường” giúp cho nền kinh tế phát triển lành mạnh.

Để thực thi Luật Cạnh tranh, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản dưới luật, trong đó có Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh, Nghị định số 05/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2006 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng cạnh tranh và Nghị định số 06/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2006 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý cạnh tranh. Với tư cách là tổ chức trực thuộc Bộ Công thương, Cục Quản lý cạnh tranh có nhiệm vụ từ tổ chức điều tra đến xử lý đối với các vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Ngoài ra, Cục Quản lý cạnh tranh có nhiệm vụ thụ lý, tổ chức điều tra các vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh để Hội đồng cạnh tranh xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng cạnh tranh, với địa vị pháp lý là cơ quan thực thi quyền lực nhà nước độc lập, có chức năng xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh. Các thành viên Hội đồng Cạnh tranh do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương. Cùng với việc thành lập, quy định về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của hai cơ quan trên, các trình tự, thủ tục để xử lý vụ việc cạnh tranh (tổ tụng cạnh tranh) đã được hướng dẫn cụ thể và đầy đủ.

Tuy nhiên, kể từ khi ra đời cho đến nay, hệ thống các cơ quan này vẫn chưa xử lý được một vụ việc cạnh tranh nào. Trong khi đó, về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của chúng đã được các nhà làm luật Việt Nam kế thừa, học hỏi từ kinh nghiệm của Hội đồng Thương mại công bằng Nhật Bản (*Japan Fair Trade Commission*, gọi tắt là JFTC), một cơ quan có rất nhiều kinh nghiệm trong xử lý vụ việc cạnh tranh và hoạt động rất hiệu quả tại Nhật Bản. Vì thế, bài báo này đưa ra

một góc nhìn khái quát về Hội đồng Thương mại công bằng Nhật Bản để góp phần tìm ra nguyên nhân và đề xuất các giải pháp tháo gỡ vướng mắc trên cho Việt Nam.

2. Lịch sử phát triển đầy chông gai để từng bước khẳng định mình của JFTC

Sau thế chiến thứ hai, Hình ảnh còn lại của đất nước Nhật Bản là hệ thống cơ sở vật chất, các nhà máy công nghiệp bị tàn phá nặng nề, đất nước nghèo đói và không có tài nguyên gì đáng kể. Trên cơ sở Hiệp ước Postdam, Nhật Bản nằm dưới sự quản lý của Hoa Kỳ và Đồng minh. Lực lượng đồng minh yêu cầu Chính phủ Nhật Bản phải thực thi chính sách dân chủ hoá kinh tế (*Economic Democratization Policy*). Theo đó, Chính phủ Nhật Bản phải thực hiện ba vấn đề: thứ nhất là cải cách về đất đai và nông nghiệp, thứ hai là xây dựng luật lao động, cuối cùng là thực thi chính sách phi tập trung hoá và ban hành luật chống độc quyền [].

Năm 1947, trước sức ép của Đồng Minh, đứng đầu là Hoa Kỳ, Nhật Bản đã ban hành Luật Chống độc quyền tư nhân và duy trì thương mại bình đẳng (Act Concerning Prohibition of Private Monopolization and Maintenance of Fair Trade - Act No. 54 of 14 April 1947) [2], gọi tắt là Antimonopoly Act (AMA), trên cơ sở kế thừa các giá trị pháp lý của Đạo Luật Chống Tờ Rốt của Hoa Kỳ (The Sherman Antitrust Act). Đây là đạo luật cạnh tranh đầu tiên của Châu Á. AMA sau này đã được sửa đổi bổ sung vào các năm 1953, 1977, 2002 và 2005.

Để thực thi AMA, JFTC được thành lập. Về cơ bản, JFTC được trao tất cả các quyền trong phạm vi có thể và có tính độc lập tối đa để đảm bảo AMA được tôn trọng thực hiện.

Tuy nhiên, không phải ngay khi thành lập, JFTC đã phát huy được vai trò tích cực của mình. Những năm đầu khi thực hiện, AMA được coi là không khả thi tại Nhật Bản. Lý do vì truyền thống, văn hoá kinh doanh của người Nhật có nhiều điểm khác biệt so với các nước phương Tây. Ở Hoa Kỳ và Châu Âu, mối quan hệ cá nhân là điều kiện thứ yếu và thường đến sau khi họ thiết lập mối quan hệ kinh doanh. Các doanh nghiệp sẵn sàng chấp nhận “cuộc chơi sinh tử” để tồn tại và phát triển. Ở Nhật Bản thì hoàn toàn ngược lại, người Nhật đặc biệt chú trọng xây dựng mối quan hệ cá nhân trước. Quan hệ kinh doanh sẽ được thiết lập sau khi mối quan hệ cá nhân đã bền chặt và đủ độ tin cậy. Người Nhật có truyền thống kinh doanh theo hiệp hội ngành nghề, theo đó các thành viên cùng chung sống hoà bình và việc các đối tác, bạn hàng trở thành đối thủ cạnh tranh với nhau trên thương trường trong “cuộc chiến một mất, một còn” không phải là hiện tượng phổ biến trong đời sống kinh doanh.

Thái độ không khuyến khích cạnh tranh không chỉ thể hiện trong giới doanh nhân mà còn được thể hiện đậm nét trong tư tưởng của giới công chức Nhật Bản. Ngay từ khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ hai, thậm chí cho đến tận ngày nay, luôn tồn tại dai dẳng “một nguyên tắc chỉ đạo đối với các nhà hoạch định chính sách công nghiệp liên quan đến việc tổ chức nội bộ ngành là ngăn chặn sự cạnh tranh quá mức” [3]. Các quan chức trong các Genkyoku, là cơ quan tương đương cấp vụ hoặc ban phụ trách một ngành nhất định, thường có quan điểm khuyến khích hợp nhất, phân nhóm các hãng theo chiều dọc và chiều ngang, cũng như khuyến khích hợp đồng kinh doanh giữa các hãng. Điều này đi ngược lại với tư tưởng về tự do cạnh tranh. Hệ quả là nhiều bộ ngành, đặc biệt là Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế (MITI), xung đột trực tiếp với JFTC. Từ những năm 1950 đến giữa những năm 1960 là thời kỳ hoàng kim của chính sách công nghiệp của Nhật Bản, quan điểm của JFTC thường bị lép vế trước phương pháp tiếp cận đang thống trị tại Nhật Bản.

Tình thế dần dần có sự thay đổi dưới ảnh hưởng của Học thuyết Truman và cuộc chiến Nam - Bắc Triều. Chính sách của Hoa Kỳ có sự chuyển đổi đột ngột từ việc không khuyến khích Nhật Bản xây dựng lại nền kinh tế và tái thiết đất nước đến việc khuyến khích xây dựng Nhật Bản trở thành nước công nghiệp hoá nhằm ngăn chặn sự lan rộng của Chủ nghĩa cộng sản. Quan điểm đẩy mạnh tự do cạnh tranh theo mẫu hình kinh tế thị trường tự do của Hoa Kỳ dần chiếm ưu thế. Với việc sửa đổi bổ sung lần đầu tiên vào năm 1953, AMA được quan tâm hơn trong đời sống kinh doanh và vai trò của JFTC được khẳng định rõ ràng hơn trong xã hội.

Nguyên nhân quan trọng nữa là tác động của cuộc khủng hoảng dầu lửa thế giới những năm 1970 đã khiến cho tư tưởng can thiệp và kiểm soát trực tiếp của các nhà hoạch định chính sách công nghiệp bị xuống dốc. Nhờ đó, AMA tiếp tục thăng thế. Cùng với việc AMA được sửa đổi bổ sung năm 1977, vị thế của JFTC ngày càng quan trọng trong bộ máy Chính phủ Nhật Bản.

Đến những năm đầu của thế kỷ hai mươi mốt, trong bối cảnh đổ vỡ của kinh tế bong bóng, chính sách cạnh tranh của Nhật Bản lại được thay đổi. AMA được sửa đổi bổ sung hai lần nữa vào các năm 2002, 2005. Kết quả là hoạt động của JFTC trở nên thực sự linh hoạt và hiệu quả hơn. Hiện nay, JFTC được coi là một cơ quan có “thế lực” trong Chính phủ Nhật Bản.

3. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn của JFTC

JFTC gồm Chủ tịch (*Chairman*) và bốn uỷ viên (*Commissioner*). Các thành viên JFTC được Thủ tướng bổ nhiệm trên cơ sở sự phê chuẩn của cả hai Viện trong Quốc hội Nhật Bản (Thượng nghị viện và Hạ nghị viện). Để được bổ nhiệm làm thành viên JFTC, các cá nhân phải có độ tuổi từ ba mươi lăm trở lên, có kiến thức, kinh nghiệm về pháp lý và kinh tế. Nhiệm kỳ của các thành viên JFTC là năm năm và có thể được tái bổ nhiệm. Các thành viên JFTC sẽ về hưu khi đến tuổi bảy mươi. Tại điều 31 AMA quy định rõ: các thành viên JFTC không thể bị cách chức khi thực hiện nhiệm vụ trừ những trường hợp: (1) bị toà án tuyên bố mở thủ tục phá sản; (2) bị cách chức vì vi phạm kỷ luật; (3) bị phạt vì vi phạm AMA; (4) bị kết án phạt tù hoặc các chế tài hình sự khác; (5) khi JFTC quyết định rằng cá nhân đó không có khả năng thực hiện nhiệm vụ vì mất năng lực hành vi; (6) không nhận được sự phê chuẩn tại phiên họp đầu tiên của lưỡng Viện (Thượng nghị viện và Hạ nghị viện) khi trước đó đã được Thủ tướng bổ nhiệm trong thời gian Nghị viện không họp hoặc Hạ nghị viện bị giải tán. Điều 37 AMA còn quy định, các thành viên JFTC không được đảm nhận vị trí nghị sĩ hoặc dân biểu Hội đồng địa phương hay tham gia vào bất cứ hoạt động chính trị nào; không đảm nhận bất kỳ vị trí quan trọng nào khác trừ khi được Thủ tướng cho phép hoặc không tham gia vào bất kỳ hoạt động kinh doanh với mục đích sinh lợi nào trong thời gian tại vị tại JFTC. Việc AMA quy định như trên đảm bảo cho JFTC đủ sự độc lập về thẩm quyền, các thành viên trung lập về chính trị và kinh tế, tạo sự vững tin, miễn cán cho đội ngũ công chức làm việc lâu dài và nhiệt huyết cho JFTC.

Về cơ cấu tổ chức, JFTC có Văn phòng thường trực (*General Secretariat*), đứng đầu là Tổng thư ký (*Secretary General*) và khoảng 737 công chức[4]. Văn phòng thường trực JFTC có trụ sở chính tại Tokyo và văn phòng đại diện tại Hokkaido (thành phố Sapporo), Tohoku (thành phố Sendai), Chubu (thành phố Nagoya), Kinki (thành phố Osaka), Chugoku (thành phố Hiroshima), Shikoku (thành phố Takamatsu) và Kyushu (thành phố Fukuoka). Cơ quan thường trực JFTC gồm các bộ phận sau đây:

1. *Secretariat*: Phụ trách mọi vấn đề về sự vụ cho Cơ quan thường trực JFTC.
2. *Hearing Examiners*: Đây là Hội đồng phiên điều trần của Nhật Bản gồm không quá 5 thành viên, được chỉ định bởi JFTC cho mỗi vụ việc cạnh tranh trong số các công chức của Văn phòng thường trực JFTC.
3. *Economic Affairs Bureau*: Phụ trách các vấn đề kinh tế liên quan đến nhiệm vụ của JFTC, gồm các bộ phận chính sau:
 - *General Affairs Division*: Lập kế hoạch sơ bộ cho chính sách chống độc quyền và chịu trách nhiệm về sự phù hợp với các chính sách kinh tế có liên quan khác.
 - *Coordination Division*: Nghiên cứu, chỉnh lý hệ thống quy tắc quản lý liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh, pháp luật kinh doanh, các quy định và hướng dẫn về mặt hành chính liên quan đến hạn chế cạnh tranh
 - *Mergers and Acquisitions Division*: Phụ trách về việc ban hành các quy định liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất giữa các doanh nghiệp và kiểm tra việc sáp nhập, hợp nhất giữa các doanh nghiệp
 - *Trade Practices Department*: Phụ trách về việc xác định các loại, cách thức của hành vi đi ngược lại với tinh thần của thương mại công bằng, cụ thể gồm các nhiệm vụ: điều tra về các hành vi thương mại, tư vấn cho các doanh nghiệp và hiệp hội ngành nghề, là đầu mối về mặt hành chính việc thực thi Luật Nhà thầu phụ và Luật Quảng cáo và Khuyến mại.
4. *Investigation Bureau*: Phụ trách toàn bộ khâu điều tra cả về điều tra hành chính và điều tra hình sự trong quá trình xử lý vụ việc cạnh tranh, gồm các bộ phận chính:
 - *Management and Planning Division*: chịu trách nhiệm quản trị và lập kế hoạch.
 - *Investigation Division I to V*: Phụ trách việc điều tra theo thủ tục hành chính các vụ việc cạnh tranh, bao gồm năm bộ phận độc lập được đánh số thứ tự từ 1 đến 5.
 - *Criminal Investigation Department*: Phụ trách việc điều tra theo thủ tục tố tụng hình sự khi xử lý vụ việc cạnh tranh, gồm hai bộ phận chính độc lập với nhau được đánh số 1 và 2.

Về nhiệm vụ, quyền hạn, theo quy định tại điều 27-2 AMA, JFTC chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến độc quyền tư nhân, hạn chế cạnh tranh bất hợp pháp, các hành vi cạnh tranh

không lành mạnh, các tình huống độc quyền; về vấn đề hợp tác quốc tế gắn với việc thực thi nhiệm vụ và các nhiệm vụ quyền hạn khác được pháp luật quy định. Về cơ bản, JFTC có ba nhóm quyền hạn chính như sau: nhóm quyền về mặt hành chính (*Quasi-Administrative*); nhóm quyền về mặt ban hành pháp luật (*Quasi-legislative*); nhóm quyền tài phán (*Quasi-judicial*), trong đó nhóm quyền tài phán đóng vai trò quan trọng nhất [5].

Nhóm quyền về mặt hành chính gồm việc chấp nhận hoặc quyết định cho hưởng miễn trừ theo quy định tại AMA, đề nghị tham vấn hoặc yêu cầu các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan làm những công việc nhất định theo quy định của AMA trong quá trình thực thi nhiệm vụ... Ví dụ, theo quy định tại điều 15 AMA, tất cả các công ty có ý định sáp nhập phải báo cáo trước cho JFTC về kế hoạch sáp nhập, trừ trường hợp một doanh nghiệp có tài sản từ 10 tỷ Yên trở lên thì phải báo cáo Chính phủ. Ngoài khoảng thời gian 30 ngày, kể từ ngày báo cáo được chấp nhận, các vụ sáp nhập mới được phép thực hiện; điều 8 AMA cũng quy định rõ: các Hiệp hội nghề nghiệp, trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày được thành lập hoặc giải thể, phải báo cáo cho JFTC, trừ các hiệp hội mà AMA quy định phải báo cáo cho Chính phủ... Ngoài ra, khi thực hiện nhiệm vụ, các cơ quan công quyền phải hỏi ý kiến của JFTC khi xử lý những vụ việc có liên quan đến thẩm quyền của JFTC. Ví dụ, MITI, cơ quan thực thi Luật Xuất nhập khẩu, phải hỏi ý kiến của JFTC khi xử lý các vụ việc cartel xuất nhập khẩu và ý kiến của JFTC có tác động rất lớn đến quá trình giải quyết vụ việc.

Về quyền lập pháp, Hiến pháp trao cho Quốc hội thực thi quyền này. Tuy nhiên, theo quy định của AMA, JFTC được ban hành nhiều văn bản pháp luật để thực thi nhiệm vụ. Ví dụ tại điều 2-9 AMA có liệt kê 6 nhóm hành vi cạnh tranh không lành mạnh và AMA trao quyền định tính và định lượng các hành vi đó cho JFTC để điều luật này được thực thi. Tại điều 23 AMA, luật cũng trao quyền cho JFTC xác định loại hàng hoá của các các doanh nghiệp được hưởng miễn trừ khi thực hiện hành vi ấn định giá. Khi JFTC chưa ban hành các văn bản để thực thi các quyền được nêu trên thì các hành vi vi phạm AMA vẫn được coi là hợp pháp. Do vậy, có thể coi đây là quyền lập pháp của JFTC.

Nhóm quyền tài phán được coi là quan trọng nhất trong các nhóm quyền hạn của JFTC. Quyền tài phán của JFTC gồm cả tài phán về hành chính và hình sự. Nhóm quyền này gồm nhiều công việc do JFTC đảm nhận để xử lý vụ việc cạnh tranh, từ quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, tiến hành thủ tục điều trần...

4. Tổ tụng cạnh tranh theo AMA

Thủ tục điều tra sẽ bắt đầu khi JFTC nhận được cáo giác của công chúng, của các tổ chức cá nhân vi phạm tự nguyện khai báo theo chính sách khoan hồng, thông báo của Trưởng Biện lý hoặc báo cáo của đại diện Hiệp hội DN vừa và nhỏ hoặc chính JFTC phát hiện trong khi thực thi công vụ.

Sau khi thu thập đủ chứng cứ, để chuẩn bị cho thủ tục tiếp theo là tổ chức phiên điều trần, JFTC triệu tập các bên vi phạm có mặt nghe kết quả điều tra và các chế tài tương ứng sẽ được áp dụng. Có hai loại chế tài được đưa ra là: yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm (*Cease and desist order*) và yêu cầu nộp phạt (*Surcharge payment order*). Ngoài ra, JFTC có thể đưa ra các cảnh báo (*warning*) hoặc nhắc nhở (*caution*) cho các tổ chức, cá nhân vi phạm AMA. Các bên liên quan có quyền bày tỏ ý kiến và đưa ra chứng cứ để bảo vệ ý kiến của mình. Nếu các bên thừa nhận hành vi vi phạm và chấp nhận chế tài do JFTC đưa ra. Trình tự xử lý vụ việc cạnh tranh sẽ kết thúc và Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh sẽ có hiệu lực thi hành. Thực tế, hầu hết các vụ việc đều được JFTC xử lý theo cách thức này.

Thủ tục điều trần sẽ được thực hiện khi JFTC nhận được đề nghị tổ chức điều trần của các bên liên quan trong phạm vi sáu ngày kể từ ngày các bên liên quan nhận được yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm hoặc yêu cầu nộp phạt của JFTC. Trong trường hợp có sự kiện bất khả kháng xảy ra trong thời gian nói trên dẫn đến các bên không thể thực hiện được quyền đề nghị tổ chức điều trần thì thời hạn cho các bên sẽ là một tuần sau khi sự kiện đó chấm dứt. Phiên điều trần sẽ được mở công khai trừ trường hợp bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trường hợp không có lợi cho cộng đồng. Tại Phiên điều trần, ngoài các thành viên Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh do JFTC thành lập, sự tham gia của các điều tra viên đã điều tra vụ việc và các bên liên quan, còn có sự hiện diện của các nhân chứng, các chuyên gia, người phiên dịch, các công chức khác thực thi công vụ hoặc các hiệp hội ngành nghề liên quan... Sau quá trình tranh luận và xuất trình chứng

cứ, tài liệu của các điều tra viên và các bên liên quan, Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh sẽ đệ trình cho JFTC quyết định sơ bộ và hồ sơ vụ việc. Điều tra viên và các bên liên quan có thể tiếp tục được gửi ý kiến của mình tới JFTC trong vòng hai tuần kể từ ngày nhận được bản sao quyết định sơ bộ. JFTC sẽ căn cứ vào các chứng cứ của các bên liên quan, hồ sơ vụ việc và quyết định sơ bộ để đưa ra quyết định chính thức. Quyết định chính thức có thể trùng hợp hoặc khác với nội dung quyết định sơ bộ. Trong trường hợp cần thiết, JFTC có thể tự tổ chức phiên điều trần hoặc yêu cầu Hội đồng xử lý vụ việc cạnh tranh tổ chức lại phiên điều trần.

Nếu các bên không đồng ý với phán quyết của JFTC thì có thể kiện ra toà để giải quyết tiếp vụ việc. Toà Thượng thẩm Tokyo sẽ là cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc cạnh tranh. Theo quy định của Luật Giải quyết vụ án hành chính (Administrative Case Litigation Act-Act No.139), JFTC ngay lập tức phải chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cạnh tranh cho Toà án và trở thành bị đơn.

5. Sơ lược một số vụ việc cạnh tranh điển hình đã được JFTC xử lý

Với việc có được cơ chế pháp lý rõ ràng và được tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất có thể, cộng với sự khẩn cấp, trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm của đội ngũ công chức, JFTC đã chứng tỏ là một cơ quan hoạt động khá hiệu quả. Từ năm 1997 đến năm 2004, JFTC đã xử lý được tổng số 238 vụ việc cạnh tranh, cụ thể như sau: Cartel giá 16 vụ, thông thầu 160 vụ, cartel khác 4 vụ, ấn định giá 13 vụ, cạnh tranh không lành mạnh 31 vụ, độc quyền tư nhân 8 vụ và nhiều vụ việc cạnh tranh khác [6]. Một số vụ án điển hình mà JFTC đã xử lý, đó là: Vụ đấu thầu dự án xây dựng công viên tại Quận Mie có sự liên can của 33 nhà thầu; Vụ công ty trách nhiệm hữu hạn Mitsubishi Electronic Building Techno-Service, trong đó JFTC phát hiện Mitsubishi Electronic đã can thiệp nhằm ngăn cản việc giao kết và thực hiện các hợp đồng bảo trì giữa các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo trì với các khách hàng mua thang máy do công ty cung cấp. JFTC đã kết luận hành vi của công ty này là hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định tại điều 19 AMA và yêu cầu Mitsubishi Electronic chấm dứt việc vi phạm. Trong vụ đấu thầu xây dựng tại thành phố Chiba, JFTC đã phát hiện tới 119 nhà thầu có liên can trực tiếp và 98 nhà thầu có dính líu đến việc sắp xếp cho Công ty Phát triển đô thị thành phố Chiba được thắng thầu. Trong vụ Công ty TNHH Scubapro Asia cung cấp thiết bị lặn cho các đại lý và các nhà phân phối cùng với việc áp đặt điều kiện giá bán lẻ cao hơn giá công ty, JFTC kết luận Scubapro Asia vi phạm điều 19 AMA về áp đặt giá bán lẻ. Vụ Hợp tác xã Tokyo Area ALC can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp khác trong việc cung cấp sản phẩm xi măng nhẹ cho các khu vực tại Tokyo bằng việc cung cấp sản phẩm cho các nhà thầu với tỷ lệ thấp, JFTC kết luận Tokyo Area ALC đã vi phạm AMA với việc can thiệp vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác...

6. Kinh nghiệm cho Việt Nam

JFTC đã mất vài chục năm để khẳng định vị trí của mình trong đời sống kinh tế Nhật Bản trong bối cảnh sức ép của hội nhập quốc tế chưa khốc liệt là điều có thể lý giải được. Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại của Việt Nam khi đã là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), WTO yêu cầu Việt Nam phải có luật cạnh tranh để tạo khung pháp lý bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, thì việc Việt Nam cũng phải mất chừng ấy thời gian để Cục Quản lý cạnh tranh và Hội đồng cạnh tranh khẳng định vị thế của mình thì coi như Việt Nam chắc chắn thất bại trong “sân chơi toàn cầu”. Do đó, chúng ta cần rút ngắn quãng thời gian trên càng sớm càng tốt bằng một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, cần phải thay đổi thái độ của đội ngũ cán bộ, công chức có nhiệm vụ quản lý, điều tiết nền kinh tế đối với pháp luật cạnh tranh, để từ đó các cán bộ, công chức của Cục Quản lý cạnh tranh và Hội đồng Cạnh tranh nhận được sự ủng hộ từ chính các đồng nghiệp và có được sự tận tâm trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Tiến trình này cần được thực hiện song song với công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước.

Thứ hai, bản thân các doanh nghiệp cũng cần thấy rõ vai trò, vị trí của pháp luật cạnh tranh trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, vì thực tế đây là một trong những công cụ pháp lý để bảo vệ quyền lợi cho không chỉ một doanh nghiệp mà cả một cộng đồng doanh nghiệp khá hữu hiệu.

Thứ ba, kinh nghiệm của Nhật Bản đã chứng minh rằng, khi nền kinh tế rơi vào khó khăn, khủng hoảng thì việc đề cao hơn nữa vai trò pháp luật cạnh tranh để tích cực loại bỏ các “tế bào ốm yếu” ra khỏi cơ thể “kinh tế” cùng với các biện pháp tái cấu trúc lại nền kinh tế, sẽ là một trong

những giải pháp rút ngắn thời kỳ giảm phát. Đây là thời điểm thuận lợi cho Việt Nam để Chính phủ quyết liệt hơn nữa trong việc thực thi pháp luật cạnh tranh.

Thứ tư, khác với AMA, Luật Cạnh tranh Việt Nam quy định hai cơ quan có thẩm quyền xử lý các vụ việc hạn chế cạnh tranh, trong đó Cục Quản lý cạnh tranh có nhiệm vụ thụ lý, tổ chức điều tra các vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi hạn chế cạnh tranh để Hội đồng cạnh tranh xử lý theo quy định của pháp luật. Việc tách thành hai cơ quan độc lập trong việc xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh sẽ làm lu mờ vai trò của Hội đồng Cạnh tranh, vì cơ quan này chỉ xử lý trên cơ sở kết quả điều tra của Cục Quản lý cạnh tranh. Do đó, thiếu tính chủ động, thực quyền mà nặng về hình thức trong quá trình thực thi pháp luật cạnh tranh của Hội đồng Cạnh tranh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Mitsuo Matsushita with John D.David (1990), Introduction to Japanese Antimonopoly Law, Yuhikaku (trang 2).
- [2]. Bản dịch tiếng Anh tại: http://www.jftc.go.jp/e-page/legislation/ama/amended_ama.pdf.
- [3]. Nguyễn Như Bình, Lê Thanh Tâm, Bùi Huy Nhượng (1999), Chính sách công nghiệp của Nhật Bản, NXB Chính trị Quốc gia (trang 17, 18).
- [4]. Số liệu năm 2006 tại: <http://www.jftc.go.jp>.
- [5]. Mitsuo Matsushita with John D.David (1990), Introduction to Japanese Antimonopoly Law, Yuhikaku (trang 79).
- [6]. Hibiya Park law offices, Tokyo (2008), Recent Developments on the Antimonopoly Act and JFTC's Guidelines in Japan (trang 3).

Người phản biện: PGS.TS. Phạm Văn Cương
